

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 01 năm 2018

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 01 NĂM 2018 SO VỚI		
	<i>Kỳ gốc năm 2014</i>	<i>Tháng 1 năm 2017</i>	<i>Tháng 12 năm 2017</i>
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	107,95	102,54	100,54
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	102,26	98,16	100,48
1- Lương thực	106,01	103,43	100,71
2- Thực phẩm	100,18	96,24	100,54
3- Ăn uống ngoài gia đình	106,58	100,83	100,13
II, Đồ uống và thuốc lá	106,01	100,82	100,34
III, May mặc, mũ nón, giày dép	106,66	101,52	100,36
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	106,29	105,14	100,50
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,73	101,05	100,16
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	235,94	136,41	102,23
Trong đó: Dịch vụ y tế	292,79	147,92	102,83
VII, Giao thông	90,58	104,54	101,30
VIII, Bưu chính viễn thông	98,63	99,62	99,93
IX, Giáo dục	124,30	106,15	100,03
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	129,05	107,15	100,04
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	103,13	100,13	100,04
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	108,12	102,19	100,33

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng.